



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP - DỊCH
VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA**

NĂM 2016

Tâm nhìn

- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước chấm và gia vị.

Sứ mệnh

- ♣ Đối với lĩnh vực bao bì PET: NNG cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
- ♣ Đối với lĩnh vực thực phẩm: NNG cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm và gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.

Giá trị cốt lõi - Bát trọng

1. **Trọng Tín nghĩa:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống "Trọng lời hứa & làm điều phải" bao gồm: Quý trọng con người - Sống có trách nhiệm - Trung thành với lời hứa.
2. **Trọng Chính trực:** NNG trân trọng chuẩn mực đạo đức kinh doanh truyền thống: Công minh, liêm chính, trung thực trong ứng xử và mọi giao dịch. Tuân thủ Quy tắc, tuân thủ Pháp luật & Làm điều phải.
3. **Trọng Thời cơ:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống - Quyết định thần tốc, hành động thần tốc và sáng tạo thần tốc.
4. **Trọng Nhân hòa:** NNG trân trọng văn hóa ứng xử hài hòa, tôn trọng môi trường nhân hòa và thân thiện, tôn trọng trách nhiệm và làm điều phải.
5. **Trọng Nhân tài:** NNG trân trọng nhân tài. Tập thể tài năng và những nhà lãnh đạo xuất sắc là nguồn vốn quý giá nhất tạo lên sự hưng thịnh, giúp NNG liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.
6. **Trọng Chất lượng:** NNG trân trọng niềm tin của khách hàng và cộng đồng bằng cam kết trách nhiệm luôn mang đến những sản phẩm tốt nhất, chất lượng nhất.
7. **Trọng Khách hàng:** NNG trân trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và cộng đồng bằng lòng nhiệt thành, sự tận tụy và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.
8. **Trọng Hiệu quả:** NNG trân trọng tính hiệu quả trong kinh doanh. Liên tục đổi mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh, để tạo ra giá trị gia tăng nhiều hơn, giúp công ty hưng thịnh bền vững và liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.

MỤC LỤC

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA.....	5
1.1. NGÀNH BAO BÌ NHỰA PET	5
1.2. NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM	5
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA.....	7
CƠ CẤU CỔ ĐỒNG.....	10
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015.....	11
4.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2015	11
4.2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2015	12
4.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015.....	13
4.4. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI	14
4.5. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ	15
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	16
5.1 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	16
5.2 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	16
5.3 TÓM TẮT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN.....	17
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	19
TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN.....	21
7.1 TÂM NHÌN DÀI HẠN	21
7.2 MỤC TIÊU 2016	21
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016	22
8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	22
8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016	24
8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ.....	25
8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH.....	26
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015	27
ĐỀ XUẤT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS NHIỆM KỲ 2016-2021	29
10.1. ĐỀ XUẤT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2016-2021	29
10.2. ĐỀ XUẤT BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016-2021.....	29
BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÙ LAO HDQT, BKS & BAN THƯ KÝ	30
11.1. THÙ LAO HDQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2015	30
11.2. LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2015.....	30
11.3. ĐỀ XUẤT THÙ LAO HDQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2016	30
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	31
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	32
13.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	32
13.2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	33
13.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT	35
13.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	42

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Ngọc Nghĩa hiện nay gồm có:

1.1. NGÀNH BAO BÌ NHỰA PET

Sản xuất và cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế các sản phẩm bao bì nhựa PET các loại, cụ thể gồm có:

- Chai PET các loại với đủ mọi dung tích và hình dáng, phục vụ cho tất cả các ngành như:
 - o Nước uống (bao gồm nước uống đóng chai và nước giải khát các loại)
 - o Nước uống có bổ sung thêm thành phần sữa
 - o Thực phẩm, đồ ăn
 - o Bia rượu
 - o Hóa chất
 - o Bảo vệ thực vật
 - o Mỹ phẩm
 - o Hàng tiêu dùng gia đình
 - o Và các ngành hàng khác
- Phôi PET các loại với đầy đủ các kích thước cổ theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo kích thước cổ chuẩn PCO1810, PCO1881, đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng.
 - o Phôi CSD
 - o Phôi Non CSD
 - o Phôi Hotfill với cổ kết tinh và không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường lực)
- Nắp chai PET các loại với đầy đủ màu sắc, logo insert, logo in lazer, ...
 - o Nắp Non CSD cổ PCO1881 (bao gồm nắp trọng lượng nhẹ giúp tiết giảm chi phí giá thành cho khách hàng)
 - o Nắp CSD hai mảnh cổ PCO1881
 - o Nắp Hotfill dành cho chai kết tinh hoặc nắp không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường tính)
 - o Nắp hai mảnh cổ PCO1810
 - o Nắp chai ngành dầu ăn và các ngành khác.

1.2. NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Các sản phẩm của ngành thực phẩm nước chấm do Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú của Tập đoàn Ngọc Nghĩa sản xuất với các dòng sản phẩm chủ lực mang chỉ dẫn địa lý nước mắm Phan Thiết như sau:

- Thương hiệu Kabin với các sản phẩm phân khúc trung cao cấp và cao cấp
Vào mùa Tết, Công ty có các sản phẩm cao cấp dùng làm quà tặng gồm Kabin Dinh

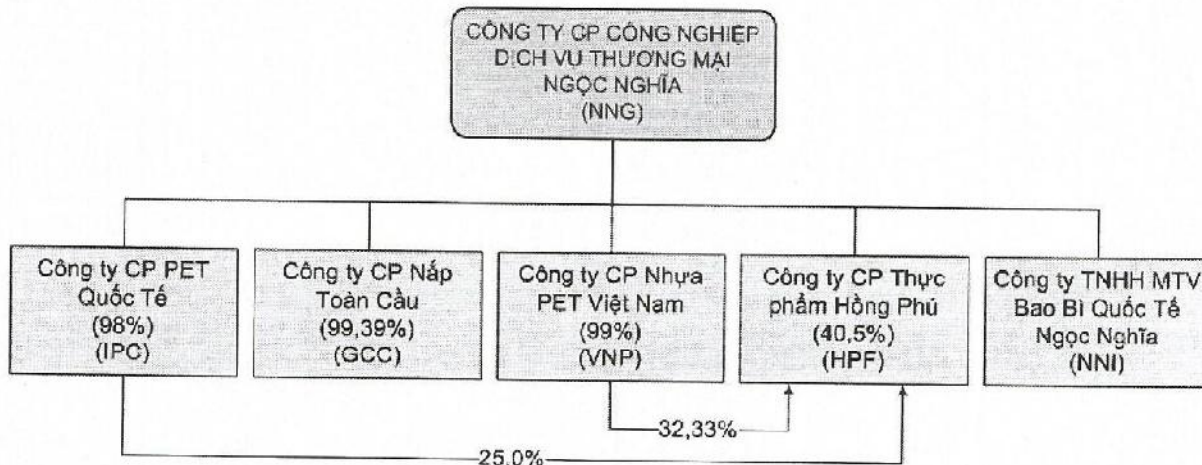
Dưỡng 68 độ đậm và Kabin đặc biệt 40 độ đậm

- Thương hiệu Thái Long với các sản phẩm trung cấp và trung cao cấp, sản phẩm bổ sung vi chất thiết yếu
- Thương hiệu RỒNG VÀNG với các sản phẩm ở phân khúc phổ thông
- Nước tương các loại nhãn hiệu Kabin và Thái Long
- Tương ớt Kabin
- Và các gia vị khác ngành thực phẩm

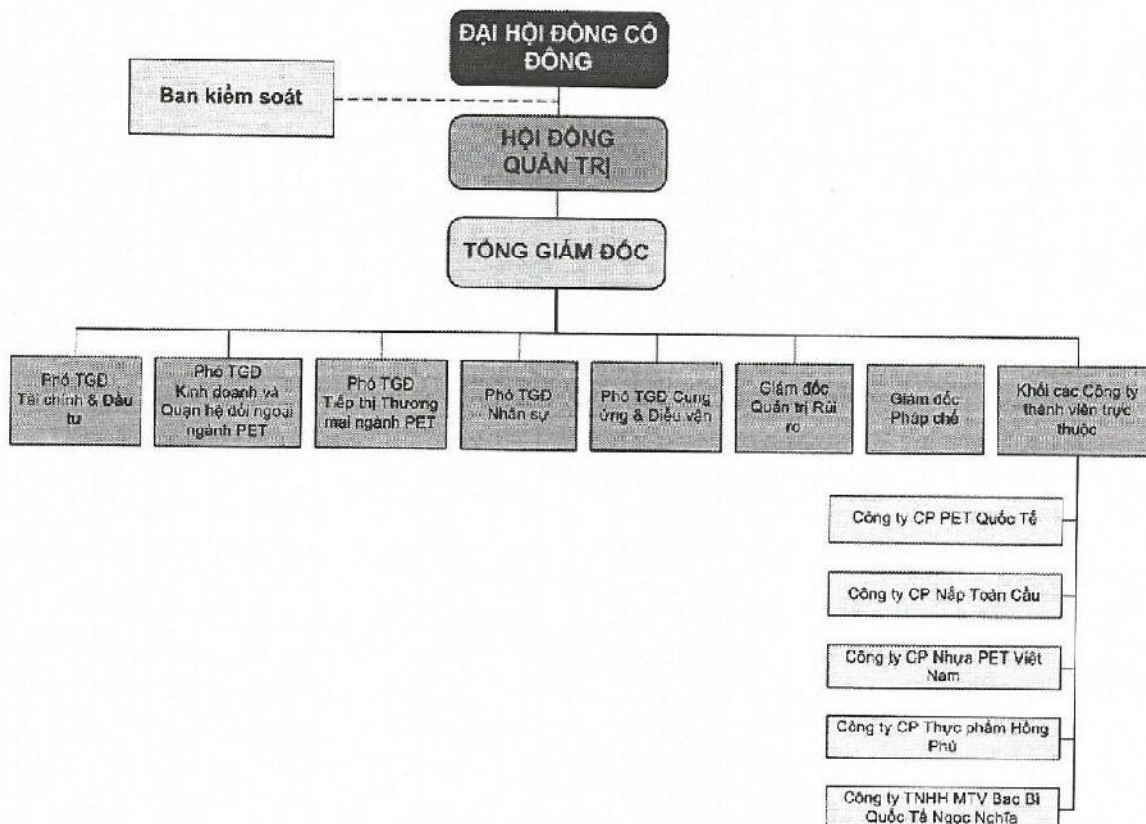
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

2.1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình tổ chức của Tập đoàn Ngọc Nghĩa gồm công ty mẹ là Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa và 5 công ty thành viên, trong đó công ty mẹ chiếm tỷ lệ từ 40,5% đến 100% vốn điều lệ của từng công ty thành viên.



Cơ cấu tổ chức nhân sự Ban Điều hành công ty mẹ 2015 gồm có:



2.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của NNG nhiệm kỳ 05 năm, từ ngày 30/03/2011 đến hết ngày 29/03/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 30/03/2011 và bầu bổ sung tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, 2014 và 2015 gồm có 5 thành viên:

STT	HỌ TÊN	VỊ TRÍ	Ghi chú
1	Ông LA VĂN HOÀNG	Chủ tịch	
2	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	Phó Chủ tịch	
3	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	Phó Chủ tịch	Được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm vị trí Phó chủ tịch và chờ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.
4	Bà BÙI BÍCH HỒNG	Ủy viên	
5	Ông LA HOÀI NAM	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 18/01/2016 và đã được Hội đồng Quản trị chấp thuận ngày 20/01/2016, chờ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông
6	Ông JEAN ERIC JACQUEMIN	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 30/07/2015 và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ngày 16/09/2015

2.3. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của NNG nhiệm kỳ từ ngày 01/05/2012 đến hết ngày 30/04/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 26/04/2012 và bầu thay đổi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 gồm có 03 thành viên với cơ cấu như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông TRƯƠNG QUỐC THẮNG	Trưởng ban
2	Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Thành viên
3	Ông NGUYỄN MẠNH HÀ	Thành viên

2.4. BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn năm 2015 như sau:

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NS	TÓM TẮT LÝ LỊCH
1	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NNG	Ông LA VĂN HOÀNG	1961	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Cử nhân kinh doanh quốc tế
2	Phó Tổng Giám đốc Tài chính & Đầu Tư NNG	Bà NGUYỄN THỊ KIM CHI	1981	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp (MA), Cử nhân kinh tế ngoại thương
3	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự NNG	Bà NGUYỄN BẠCH KIM VY	1977	Thạc sỹ Kinh tế
4	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng & Điều vận NNG	Bà ĐÀO THỊ THUẬN	1978	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
5	Phó Tổng Giám đốc Marketing ngành PET kiêm Tổng giám đốc GCC và NNI	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	1989	Thạc sỹ Tài chính, cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NS	TÓM TẮT LÝ LỊCH
6	Phó Tổng Giám đốc Thương mại & Quan hệ Quốc tế ngành PET kiêm Tổng Giám đốc IPC	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	1985	Thạc sỹ Kinh tế Thụỵ Sĩ
7	Phó Tổng giám đốc Điều hành Công ty IPC/GCC/NNI	Ông LÃ SƠN HÀ	1969	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
8	Tổng giám đốc Công ty VNP	Bà BÙI BÍCH HỢP	1950	Cử nhân Kinh tế
9	Tổng giám đốc điều hành HPF	Ông NGUYỄN VĂN THANH	1973	Kỹ sư công nghệ thực phẩm
10	Giám đốc Quản trị Rủi ro NNG	Bà NGUYỄN THỊ CHÂU	1964	Cử nhân Tài chính Kế toán
11	Giám đốc Pháp chế NNG	Ông ĐẶNG THÁI BÌNH	1982	Cử nhân Luật
12	Giám đốc các nhà máy Sản xuất PET NNC	Ông TRẦN QUANG HUY	1978	Kỹ sư kỹ thuật
13	Giám đốc Quản trị Nguồn vốn NNG	Ông NGUYỄN HOÀNG OANH	1978	Thạc sĩ QTKD, Cử nhân tài chính doanh nghiệp
14	Giám đốc Kinh doanh PET	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	1974	Cử nhân
15	Giám đốc Điều phối bán hàng và sản xuất PET	Ông NGUYỄN MẠNH HÀ	1963	Cử nhân Quản trị kinh doanh
16	Kế toán trưởng	Bà ĐÔNG THỊ NGỌC TRIỀU	1978	Cử nhân kinh tế

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần của công ty tính đến ngày 23/02/2016 là 52.250.000 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết là: 48.245.922 cổ phần.
- Số cổ phần quỹ: 4.004.078 cổ phần

Tổng số cổ đông của công ty tính đến ngày 23/02/2016 là 212 cổ đông và cổ phiếu quỹ. Trong đó gồm có:

- Cổ đông cá nhân: 208 cổ đông, nắm giữ 46.522.741 cổ phần, tương ứng với 89.01% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 1.723.181 cổ phần, tương ứng với 3.30% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ phiếu quỹ: 4.004.078 cổ phần.

3.2. CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

Danh sách cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần trên 5% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 08/04/2014.

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND / GĐKKD	CỔ PHẦN		TỶ LỆ (%)
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)	
1	LA VĂN HOÀNG	022354685	15.822.496	158.224.960.000	30.28%
2	BÙI BÍCH HỒNG	020481045	9.746.823	97.468.230.000	18.65%
3	LA BÙI HỒNG NGỌC	023880724	9.538.463	95.384.630.000	18.26%
4	LA BÙI HOÀNG NGHĨA	024202179	6.233.932	62.339.320.000	11.90%

3.3. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Danh sách cổ đông nước ngoài của công ty tại thời điểm 23/02/2016

STT	HỌ VÀ TÊN	LOẠI HÌNH	SỐ CMND / GĐKKD	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Maxence Charles Eric Vanderlynden	Cá nhân	09A174354	68.217	0.13%

3.4. ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2014

So với cơ cấu cổ đông được chốt vào ngày 27/03/2015 (chốt quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015), thì số lượng cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 tăng thêm 4 cổ đông (từ 207 cổ đông lên 211 cổ đông).

Về số lượng cổ đông nước ngoài trong năm 2015 là 1 cổ đông, giảm 1 do cổ đông tổ chức là Red River Holding không còn là cổ đông của Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

4.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2015

Năm 2015 dù tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn tiến lạc quan hơn nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chỉ ở mức 2,4%. Các tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công vẫn để lại hệ lụy chưa thể khắc phục hoàn toàn. Các điểm nổi bật của 2015 như sau:

Các quốc gia tăng trưởng không đồng đều, thiếu ổn định và bền vững.

Theo IMF, WB, OECD nhận định, kinh tế thế giới năm 2015 tăng trưởng chậm, mức tăng thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Sự phục hồi của nền kinh tế phát triển không đủ bù đắp sự suy giảm mạnh của các nền kinh tế đang phát triển; nợ và tình trạng thất nghiệp vẫn ở mức cao, làm giảm dự địa tài chính, thiếu hụt đầu tư khiến sản xuất và tiêu dùng trì trệ ở nhiều nước.

Kinh tế các nước phát triển tiếp tục phục hồi nhưng chậm hơn kỳ vọng. Mỹ là nước có nền kinh tế phục hồi tích cực nhất. Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ đã giảm còn 5%, tiêu dùng và thị trường bất động sản bắt đầu phục hồi. Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) phục hồi yếu, tăng trưởng chậm với tốc độ là 1,5%, do phải xử lý cuộc khủng hoảng "kép" gồm vấn đề nợ công và di cư, cùng tình trạng giảm phát và thất nghiệp cao. Tại Nhật Bản, tỷ giá đồng Yên giảm 60% so với USD kể từ tháng 10-2011, tạo lợi thế cho hoạt động xuất khẩu nhưng đà phục hồi của kinh tế Nhật Bản còn rất bấp bênh, tổng nợ công vẫn cao gấp đôi so với GDP.

Kinh tế các nước đang phát triển vẫn tiếp tục giảm tốc năm thứ 5 liên tiếp với mức tăng trưởng 4,3% trong năm 2015. Bất chấp những nỗ lực cải cách, nền kinh tế Trung Quốc 2015 vẫn chứng kiến sự tụt giảm lần đầu tiên trong lịch sử. Nga và Bra-xin cũng suy thoái sâu. Tăng trưởng của Nga giảm 3,8% năm 2015 do chịu nhiều tác động tiêu cực của giá dầu giảm sâu kéo dài và do lệnh cấm vận của phương Tây. Bra-xin lún sâu vào khủng hoảng chính trị và kinh tế, với tình trạng thất nghiệp, lạm phát và thâm hụt ngân sách tăng cao. Tốc độ tăng trưởng khu vực Đông Á - Thái Bình Dương là 4,6%, tương đương mức năm 2014, do tăng trưởng các nước xuất khẩu nguyên vật liệu, trong đó có Indonesia và Malaysia, bị chậm lại nhưng được bù lại bởi tăng trưởng nhanh tại Việt Nam và mức độ khôi phục phần nào tại Thái Lan.

Thị trường tài chính - tiền tệ biến động phức tạp, tác động tiêu cực đến sự ổn định nền kinh tế thế giới

Sự tụt giảm không gì cứu nổi của thị trường chứng khoán Trung Quốc 8/2015 cùng với sự phá giá liên tục đồng Nhân dân tệ đã tạo bất ổn thị trường tiền tệ và tâm lý xa lánh các tài sản rủi ro.

Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu năm 2015 đã tạm thời lắng xuống nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái phát. Trong khi Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ thì Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) bắt đầu thắt chặt thông qua việc nâng lãi suất cơ bản làm đồng Euro giảm giá so với đồng USD và đẩy tỷ giá đồng Euro có thời điểm rơi xuống 1,05 USD/Euro trong năm 2015. Đây là một trong những yếu tố tác động lớn đến sự ổn định kinh tế thế giới.

Giá dầu và giá nguyên liệu giảm sâu tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu và nguyên liệu lớn

Chỉ số giá của 22 mặt hàng nguyên liệu (chỉ số Bloomberg) đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 1999. Giá dầu thế giới tháng 12 -2015 đã giảm xuống mức 35 USD/thùng, mức thấp nhất trong 11 năm qua. Đối với những quốc gia phụ thuộc vào xuất khẩu dầu, như Venexuela, Brazil, Ecuador, Nga,... sự sụt giảm giá dầu đang tác động tiêu cực toàn diện tới nguồn thu và tăng trưởng kinh tế của những nước này. Các nước vùng Vịnh cũng phải cắt giảm đầu tư trên toàn cầu cũng như giảm bớt các dự án phát triển xã hội lớn của mình...

Vòng đàm phán Đô ha được khởi động cách đây 15 năm nhưng vẫn chưa kết thúc. Những tiến triển ít ỏi và chậm chạp của WTO tạo cơ hội và động lực thúc đẩy trào lưu đàm phán hình thành những khu vực mậu dịch tự do song phương và đa phương trong những quy mô khác nhau và với cấp độ khác nhau. Trong 2015, WTO đã nhận được 13 thông báo về việc thành lập các hiệp định khu vực mới (RTAs). Những mặc cả về cải cách hệ thống thể chế, chính trị, các tiêu chí về dân chủ và nhân quyền được đưa ra thay vì chỉ là các dòng thuế quan hay điều kiện tiếp cận của thị trường. Các cam kết về chính trị và an ninh cũng trở thành điều kiện quan trọng cho việc ký kết các hiệp định thương mại (FTA) song phương.

Tại châu Á - Thái Bình Dương, năm 2015 đã xuất hiện cơ cấu mới và tầm cỡ về tài chính liên quốc gia - Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), thành lập theo đề nghị của Trung Quốc. Đầu tháng 12-2015, Mỹ tiếp tục đạt thành quả trong ý tưởng đối trọng với Trung Quốc về kinh tế thương mại tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương khi Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa Mỹ với 11 nước thành viên khu vực đã được ký kết. TPP quy tụ các quốc gia đang nắm giữ tới 40% GDP toàn cầu và có thể giúp kinh tế toàn cầu gia tăng thêm 300 tỷ USD mỗi năm. TPP cũng là hiệp định thương mại mới nhất kể từ khi thành lập WTO, vượt xa khuôn khổ thương mại hàng hóa và dịch vụ, hình thành các dây chuyền sản xuất toàn cầu, tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của các quốc gia thành viên... Tuy nhiên, cũng chính vì thế mà nó sẽ xung đột với các quy tắc thương mại đa phương, làm suy yếu nền tảng WTO và có khả năng sẽ điều chỉnh các vấn đề trọng yếu của hợp tác kinh tế các nước. Các quốc gia không nằm trong hiệp hội khu vực mới sẽ phải tuân theo luật chơi mới của các nước lớn, mặc dù điều này có thể không phù hợp với lợi ích của họ và các nguyên tắc không phân biệt đối xử.

4.2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NĂM NĂM 2015

Năm 2015 có thể nói là năm thành công cơ bản của Việt Nam trong việc duy trì ổn định, kiềm hãm sự ảnh hưởng tiêu cực từ các bất ổn của thế giới như sự phá giá đồng Nhân dân tệ, giảm giá dầu thô.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng # 6,68% so với 2014, cao hơn mức 6,2% đã đề ra. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn mức tăng 6,42% của năm trước. Khu vực dịch vụ tăng 6,33% so với 2014.

Trong năm cả nước có 94.754 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 601,5 nghìn tỷ đồng, tăng 26,6% về số doanh nghiệp và tăng 39,1% về số vốn đăng ký so với năm 2014. Số lao động dự kiến được tạo việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2015 là 1.471,9 nghìn người, tăng 34,9% so với năm 2014. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm là 9.467 doanh nghiệp, giảm 0,4% so với năm trước, trong đó phần lớn là những doanh nghiệp quy mô nhỏ có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng (chiếm 93,8%).

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện năm 2015 theo giá hiện hành ước tính đạt 1.367,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2014 và bằng 32,6% GDP.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng 26,8% về số dự án và giảm 0,4% về số vốn so với cùng kỳ năm 2014. Trong năm, có 814 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với 7,18 tỷ USD. Như vậy tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 22,76 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2014. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2015 ước tính đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014 mức tăng thấp nhất trong 5 năm qua. Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa giảm 3,8% nên loại trừ yếu tố giá, kim ngạch xuất khẩu tăng 12,4%.

Kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng phục vụ sản xuất tăng cao so với năm trước: Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 27,6 tỷ USD, tăng 23,1%; vải đạt 10,2 tỷ USD, tăng 8,2%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 5 tỷ USD, tăng 7,5%; bông đạt 1,6 tỷ USD, tăng 12,4%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tăng so với năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 23,3 tỷ USD, tăng 24,2%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 10,6 tỷ USD, tăng 25,4%; ô tô đạt 6 tỷ USD, tăng 59%, trong đó ô tô nguyên chiếc đạt 3 tỷ USD, tăng 87,7%.

4.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

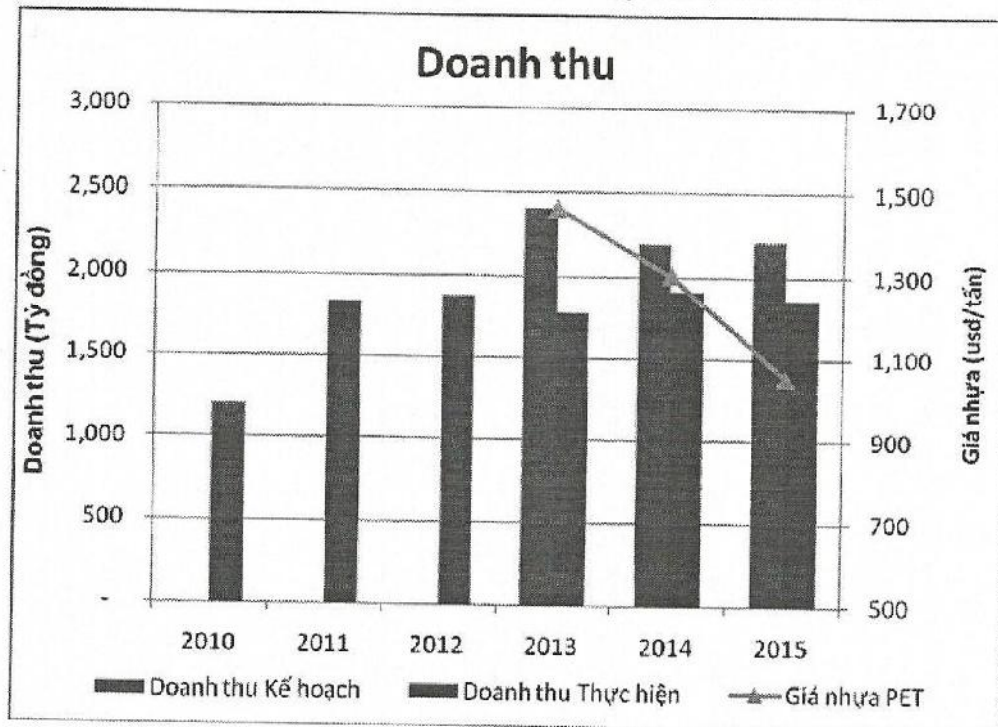
Doanh thu 2015 hợp nhất toàn NNG đạt # 1,871 tỷ đồng, giảm nhẹ về tổng doanh thu so với 2015. Xét về sản lượng doanh số vẫn tăng đáng kể ở cả PET và Food.

Lợi nhuận 2015 đạt # 53,6 tỷ, tăng 124% so với 2014 do ngành Food đã cắt giảm mức lỗ đáng kể so với năm 2014 và ngành PET tăng lợi nhuận 3% so với năm 2014.

Các khách hàng lớn trong nước của NNG gồm Coke VN, Pepsi Việt Nam, Unilever Việt Nam, Lavie, Vinamilk,... đều đạt mức tăng trưởng sản lượng ổn định. Ngoài ra, NNG cũng tham gia hỗ trợ các khách hàng trong việc triển khai các dự án sản phẩm mới, và dự kiến sẽ góp phần cho tăng trưởng doanh thu ngành bao bì PET trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, thị trường xuất khẩu cho các khách hàng lớn khu vực Đông Nam Á tiếp tục phát triển và khẳng định thương hiệu của NNG. Ngoài ra, bộ phận kinh doanh của NNG đã có bước tiến đáng kể trong việc thâm nhập vào các thị trường mới và thị trường khó tính như Nhật Bản, Úc,... góp phần khẳng định sản phẩm và dịch vụ của NNG đã đáp ứng được tiêu chí của những khách hàng tại thị trường khó tính nhất.

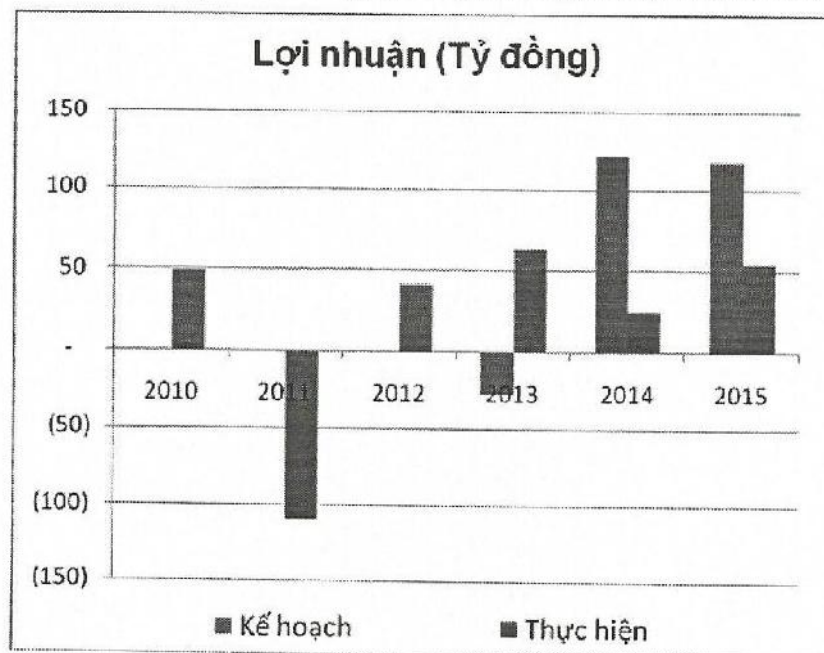
Biểu đồ 1: Doanh thu Tập đoàn NNG giai đoạn 2010-2015



Đvt: tỷ đồng

Đối với ngành nước mắm và gia vị, doanh thu của NNG tăng gần 39% so với 2014, tương ứng với số tuyệt đối là gần 108 tỷ đồng. Kết quả này có được là do NNG đã thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường thông qua hệ thống phân phối rộng khắp 63 tỉnh thành trong cả nước và thương hiệu sản phẩm nước chấm và gia vị của Tập đoàn dần được người tiêu dùng chấp nhận.

Tuy nhiên, lợi nhuận Tập đoàn đạt được trong năm 2015 mặc dù có sự tăng trưởng so với năm 2014, nhưng so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua thì mới đạt được 45,5%. Nguyên nhân là do trong năm 2015 Công ty bán thanh lý lỗ đối với mảng bánh kẹo để dành nguồn lực tài chính thực hiện các dự án khác có hiệu quả kinh tế hơn.



Đvt: tỷ đồng

4.4. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI

4.4.1 Kết quả đạt được

Trong năm 2015, NNG ghi nhận các kết quả điển hình như sau:

- Mặc dù giá nguyên liệu PET đầu vào giảm gần 20% nhưng doanh thu ngành PET của toàn Tập đoàn chỉ giảm 2% so với năm 2014 do sản lượng tăng.
- NNG có những bước tiến đáng kể trong việc thâm nhập vào thị trường quốc tế như Nhật Bản, Úc,... đáp ứng được tiêu chí của những khách hàng tại thị trường khó tính nhất.
- NNG đã hoàn thiện thiết lập mới hệ thống phát triển sản phẩm và cải tiến phù hợp với hoạt động thực tế nhằm tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Ngành nước chấm thành công trong việc thiết lập hệ thống phân phối rộng khắp và đi sâu tận các tuyến nông thôn.
- NNG không ngừng nâng cao giá trị thông qua việc hoàn thành và đạt các chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến chất lượng, tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm toàn cầu ISO 9001 - 2008 và FSSC 22K.
- Việc quản trị dòng tiền tập trung toàn tập đoàn đã đạt được nhiều kết quả tốt, giúp tiết giảm đáng kể chi phí tài chính cho toàn tập đoàn, đồng thời đảm bảo được khả năng thanh toán của toàn tập đoàn.
- Xây dựng văn hóa NNG vững mạnh phù hợp với giai đoạn phát triển trong tương lai. Thực hiện triển khai đào tạo cho toàn tập đoàn và chuyển hóa vào mục tiêu cho nhân viên.
- Thực hiện đào tạo kỹ năng mềm để nâng cao chất lượng của nhân viên.
- NNG tích cực tham gia hội chợ việc làm để tạo thêm nguồn nhân lực cho NNG cũng như quảng bá thương hiệu của công ty.

4.4.2 Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, NNG vẫn còn nhiều hạn chế tồn tại do những biến động thay đổi của nền kinh tế trong nước và thế giới cũng như áp lực cạnh tranh của các đối thủ đối với các khách hàng lớn trong ngành bao bì PET. Trong điều kiện cạnh tranh về giá ngày càng khốc liệt đã ảnh hưởng đến lợi nhuận ngành PET do NNG phải giảm giá bán để cạnh tranh và giữ khách hàng.

Đối với ngành nước chấm và gia vị, mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh nhưng vẫn còn lỗ làm ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính chung của toàn Tập đoàn.

4.5. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Kết quả 2015 đầu tư như sau:

- Đầu tư góp vốn chiếm tỷ lệ 100% Công ty TNHH MTV Bao Bi Quốc Tế Ngọc Nghĩa (viết tắt là NNI) với quy mô vốn điều lệ là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/08/2015. Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào NNI trong năm 2015, hiện tại NNI đang trong giai đoạn hoàn tất việc xây dựng nhà xưởng và nhập khẩu máy móc thiết bị. Dự kiến vào khoảng tháng 6/2016 sẽ có doanh thu đóng góp cho Tập đoàn.
- Đối với việc chuyển nhượng cổ phần quỹ do điều kiện trong năm 2015 không thuận lợi nên Công ty chưa thể thực hiện việc chuyển nhượng.
- Đối với Công ty Cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế: Công ty đã thực hiện tăng vốn thêm 270 tỷ đồng lên mức 325 tỷ đồng (theo giấy đăng ký kinh doanh ngày 25/05/2015) bằng việc chuyển nợ thành vốn để thực hiện lộ trình thoái vốn. Tháng 07/2015, Hội đồng quản trị KMB thông qua NNG hợp đồng chuyển nhượng và cuối 2015, NNG đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế cho nhà đầu tư khác.
- Riêng việc tăng vốn cho Công ty cổ phần Thực phẩm Hồng Phú do trong năm 2015 điều kiện chưa thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện việc tăng vốn cho Công ty cổ phần Thực phẩm Hồng Phú như phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2016

CTY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Tổng Giám đốc



Le Văn Hoàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	2015	2014
Tổng doanh thu	1,871,163,250,743	1,918,651,349,327
Các khoản giảm trừ doanh thu	13,901,360,033	6,654,884,393
Doanh thu thuần	1,857,261,890,710	1,911,996,464,934
Giá vốn hàng bán	1,322,356,725,285	1,424,711,471,034
Lợi nhuận gộp	534,905,165,425	487,284,993,900
Chi phí bán hàng	278,513,178,428	263,398,410,983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78,389,228,171	93,239,969,291
Thu nhập tài chính	6,997,128,809	9,041,382,014
Chi phí tài chính	109,856,849,101	84,907,062,258
Lợi nhuận từ HĐ sản xuất kinh doanh	73,143,038,534	54,780,933,382
Thu nhập khác	1,809,060,604	1,220,900,145
Chi phí khác	3,643,684,181	3,416,226,818
Kết quả từ hoạt động khác	1,834,623,577	(2,195,326,673)
Lợi nhuận trước thuế	73,308,414,957	52,585,606,709
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15,856,059,686	14,414,945,575
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3,796,878,952	14,197,057,621
Lợi nhuận sau thuế	53,655,476,319	23,973,603,513

5.2 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	31/12/2015	31/12/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN		602,147,302,960
Tiền và các khoản tương đương tiền	89,554,343,631	49,279,280,881
Đầu tư ngắn hạn	110,000,000,000	50,000,000,000
Phải thu ngắn hạn	166,392,223,395	150,689,094,405
Trả trước cho người bán	46,555,992,801	9,438,826,565
Phải thu về cho vay	19,700,000,000	
Phải thu khác	32,479,287,104	12,070,083,520
Dự phòng phải thu khó đòi	(369,474,952)	(1,213,846,991)
Hàng tồn kho	189,457,537,525	256,630,078,008
Tài sản ngắn hạn khác	69,599,315,724	75,253,786,572
TÀI SẢN DÀI HẠN	1,160,821,401,085	1,272,000,325,302
Phải thu dài hạn	15,527,926,800	10,314,205,364
Tài sản cố định	1,071,665,226,863	1,215,624,227,629
Hữu hình	602,116,736,663	719,221,946,335
Thuế tài chính	183,388,169,164	204,769,918,076
Vô hình	275,477,876,116	283,172,909,672
Xây dựng cơ bản dở dang	10,682,444,920	8,459,453,546
Đầu tư tài chính dài hạn	30,000,000,000	
Tài sản dài hạn khác	14,055,882,903	

		9,896,476,799
Lợi thế thương mại	29,572,364,519	36,165,415,510
TỔNG TÀI SẢN	1,884,190,626,313	1,874,147,628,262
Nợ phải trả	1,213,272,770,405	1,265,431,160,315
Vốn chủ sở hữu	670,917,855,908	608,716,467,947

5.3 TÓM TẮT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Doanh thu năm 2015 giảm 2,5% so với năm 2014, nguyên nhân là do doanh thu của Tập đoàn trong năm 2015 chủ yếu đến từ mảng nhựa truyền thống, nhưng do năm 2015 giá nhựa giảm so với năm 2014 khoảng 10% nên ảnh hưởng làm cho doanh thu giảm theo, nhưng xét về sản lượng thì năm 2015 tăng hơn so với năm 2014.

Riêng ngành nước mắm và gia vị tăng gần 36% so với năm 2014, với mức tăng gần 100 tỷ đồng so với năm 2014 (*Năm 2015 đạt doanh thu thuần sau chiết khấu trên hóa đơn ~375 tỷ đồng*).

Giá vốn hàng bán

Doanh thu giảm gần 3% nhưng giá vốn giảm hơn 7% do công ty tăng sản lượng và cải tiến hoạt động sản xuất.

Riêng đối với ngành nước mắm và gia vị do doanh số tăng gần 36% nên cải tiến lãi gộp khoảng 6% so với năm 2014.

Lợi nhuận gộp

Sự gia tăng về sản lượng đầu ra ở cả ngành PET và Food kết hợp với cắt giảm chi phí làm cho tỷ lệ lãi gộp hợp nhất NNG trong năm 2015 tăng gần 10% so với năm 2014, qua đó cải thiện tỷ lệ lợi nhuận gộp của toàn Tập đoàn từ mức 25,5% trong năm 2014 lên mức 28,8% trong năm 2015, và nếu xét về giá trị tuyệt đối thì lợi nhuận gộp tăng 47,6 tỷ đồng so với năm 2014.

Chi phí bán hàng

Do sản lượng bán hàng tăng nên chi phí vận chuyển gia tăng làm cho chi phí bán hàng tăng thêm #15 tỷ đồng, trong đó ngành thực phẩm tăng #13 tỷ đồng và ngành nhựa tăng #2 tỷ đồng. Ngoài ra, ở ngành thực phẩm việc gia tăng chi phí bán hàng còn do doanh số tăng và việc công ty đầu tư mở rộng hệ thống phân phối cùng với quảng cáo để giúp cho việc tăng trưởng doanh số nhanh hơn và bền vững hơn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm gần 15 tỷ so với năm 2014, chiếm tỷ lệ 4,2% trên doanh thu thuần và giảm gần 16% so với năm 2014. Trong đó ngành thực phẩm tăng # 1 tỷ đồng và ngành nhựa PET giảm #16 tỷ đồng.

Chi phí tài chính

Năm 2015 do nỗ lực trong việc cắt giảm chi phí tài chính cùng với ảnh hưởng của xu hướng giảm lãi suất cho vay của thị trường tài chính, nên chi phí tài chính giảm gần 15 tỷ đồng (từ mức 85 tỷ đồng vào năm 2014 giảm xuống còn #70 tỷ đồng trong năm 2015). Tuy nhiên, do trong năm 2015 Công ty có hoạt động thanh lý lỗ Công ty cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế góp phần làm cho chi phí tài chính tăng thêm gần 40 tỷ đồng, qua đó làm cho tổng chi phí tài

chính của toàn Tập đoàn tăng gần 25 tỷ đồng.

Hiện tỷ lệ chi phí tài chính chiếm 3,8% doanh thu tuần, giảm so với mức gần 6% trong năm 2014.

Chi phí khác

Chi phí khác sau khi trừ thu nhập khác thì tổng thể năm 2015 tăng hơn so với năm 2014 là 4 tỷ đồng, nhưng khoản thu nhập khác này là không bền vững nên không phản ánh được gì nhiều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lợi nhuận ròng

Do giá vốn và các khoản chi phí có liên quan đều giảm nên lợi nhuận ròng năm 2015 tăng # 30 tỷ so với năm 2014, tỷ lệ tăng tương đối là ~124%. Trong đó, riêng ngành nước mắm và gia vị giảm lỗ #35 tỷ đồng và lợi nhuận ròng của ngành nhựa PET tăng gần như bù đắp được phần lỗ do thanh lý Công ty Cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế trong năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2015 tăng gần gấp đôi so với năm 2014, lên mức gần 90 tỷ đồng cùng với khoản đầu tư ngắn hạn tăng thêm trong năm 60 tỷ đồng, qua đó cho thấy tình hình thanh toán của Công ty được cải thiện rõ rệt, đảm bảo cho khả năng thanh toán rất tốt cho toàn hệ thống.

Tài sản cố định

Tài sản cố định của toàn Tập đoàn vào cuối năm 2015 giảm #145 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2015 do ảnh hưởng của việc trích khấu hao dần hàng năm và thanh lý KMB.

Đầu tư tài chính dài hạn và tài sản dài hạn khác

Năm 2015, khoản đầu tư tài chính dài hạn và tài sản dài hạn khác # 63 tỷ đồng, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn.

Tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2015 của toàn Tập đoàn tăng 10 tỷ đồng (tương đương mức tăng ~1%), nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn tăng, mà tập trung chủ yếu vào khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Các khoản nợ

Điều đặc biệt là tổng nợ của toàn Tập đoàn trong năm 2015 giảm #52 tỷ, trong đó nợ ngắn hạn giảm 12 tỷ và nợ dài hạn giảm 40 tỷ.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2015, Vốn chủ sở hữu của toàn Tập đoàn tăng 62 tỷ, tương đương mức tăng hơn 10%. Nguyên nhân là do lợi nhuận năm 2015 tăng và một phần từ nguồn thặng dư từ khấu hao tài sản hàng năm.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2016

CTY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA



Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

6.1. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2015

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trong năm tài chính 2015 đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT để cập nhật, giám sát và đảm bảo mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty đều hợp lý và hợp pháp;
- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức họp thành viên 02 lần định kỳ nội bộ ban kiểm soát;
- Rà soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và quy trình liên quan thanh toán, tạm ứng, đầu tư của Công ty;
- Lắng nghe ý kiến Cán bộ công nhân viên và cổ đông đóng góp về tình hình sản xuất kinh doanh công ty để phản ánh lại HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

6.1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2015

Trong năm tài chính 2015, Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính toàn niên độ tài chính 2015, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập (Công ty Kiểm toán KPMG) về báo cáo tài chính của công ty được lập cho năm tài chính 2015.

6.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ NỘI QUY CÔNG TY

Trong năm 2015, Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật liên quan Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các chủ trương, hoạt động của Công ty đều trong khuôn khổ tuân thủ pháp luật và nội quy Công ty.

6.3. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2015, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty bởi hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng Ban điều hành Công ty năm 2015 đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc quản lý, điều hành.

Ban kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành trong công tác phối hợp chặt chẽ với cán bộ công nhân viên công ty giúp Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015. Mặc dù không hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, nhưng HĐQT và Ban điều hành đã cố gắng hết sức trong điều kiện có thể để mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông. Nguyên nhân của việc Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao là do Công ty đã thanh lý lỗ mảng sản xuất bán hàng của Công ty trong năm, nhưng điều này là cần thiết để Công ty tập trung nguồn lực phát

triển mạng kinh doanh chủ chốt của mình cũng như tìm cơ hội kinh doanh khác phù hợp hơn trong điều kiện kinh tế có nhiều thay đổi.

6.4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt trách nhiệm trong việc phối hợp với HĐQT và Ban giám đốc theo dõi, giám sát chặt chẽ và hiệu quả tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp với pháp luật, phù hợp với những cam kết của HĐQT với cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2015 cũng như đáp ứng được quyền lợi của cổ đông.

Về công tác quan hệ cổ đông, Ban kiểm soát cũng đã có sự phối hợp với bộ phận quản trị cổ phiếu công ty trong công tác quan hệ cổ đông tiếp tục duy trì và chú ý nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

6.5. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Kiên toàn nhân sự về kiến thức chuyên môn; phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với nhau và với các đơn vị liên quan; thực hiện hiệu quả chức năng và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

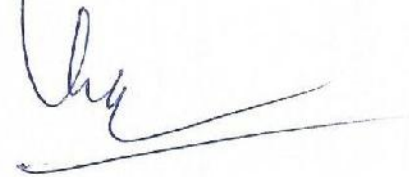
Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả công tác giám sát hoạt động của Công ty, của các thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật cũng như tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2016 đã thông qua.

Giám sát trong việc công bố thông tin kịp thời và chính xác cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

Tp.HCM. ngày 20 tháng 02 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Trưởng Ban



TRƯƠNG QUỐC THẮNG

TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

7.1 TÂM NHÌN DÀI HẠN

✦ **Tâm nhìn:** NNG nỗ lực phấn đấu đến năm 2020

1. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
2. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước mắm và gia vị.

✦ **Sứ mệnh:** NNG cam kết

1. Mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
2. Mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm & gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.

7.2 MỤC TIÊU 2016

✦ **Mục tiêu then chốt của năm 2016**

1. Ngành PET

- ✓ Hoàn thành bộ sản phẩm mũi nhọn, hoàn tất nghiên cứu khả thi về kỹ thuật.
- ✓ Duy trì dòng tiền ổn định từ khách hàng/sản phẩm truyền thống. Hạn chế tối đa chảy máu dòng tiền cho mảng hiện hữu để ưu tiên tập trung cho SP mũi nhọn.

2. Ngành nước chấm và gia vị

- ✓ Vận hành thành công có hiệu quả hệ thống Van Beat Plan và đảm bảo chất lượng hệ thống phân phối tại các đặc khu: Miền Bắc, Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường HCM & Mekong. Đẩy mạnh bán hàng kênh siêu thị và xuất khẩu.
- ✓ Huy động tăng vốn thành công.
- ✓ Đẩy mạnh phát triển & nâng cao chất lượng thương hiệu Kabin & Thái Long để giành được ngày càng nhiều hơn niềm tin của NTD, giúp HPF liên tục tăng trưởng mạnh mẽ & bền vững với doanh thu nền tảng tương đương 30% thị phần vào năm 2018.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Dự báo tình hình kinh tế năm 2016

Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối. Khả năng phát triển kinh tế tiếp tục bị kìm hãm bởi những yếu tố, như năng suất thấp, dân số ngày càng già hóa và những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Hiện có nhiều dự báo khác nhau về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016. Các cơ quan quốc tế lớn như WB, IMF, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) gần đây đều rất thận trọng và điều chỉnh lại các số liệu dự báo thấp hơn so với các con số mà các cơ quan này đã đưa ra trước đó. Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của WB công bố tháng 01-2016 dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 ở mức 2,9%; IMF và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo mức tăng trưởng cao hơn, tuy nhiên Liên hợp quốc cũng chỉ đưa ra con số tăng trưởng GDP toàn cầu là 2,9%. Lý giải cho điều này, Liên hợp quốc cho rằng, mặc dù triển vọng kinh tế Mỹ khá hơn nhưng đồng USD tăng giá sẽ gây thiệt hại cho các nhà xuất khẩu và giá dầu tụt dốc làm giảm đầu tư toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng.

Theo IMF, điểm đáng quan tâm nhất trong năm 2016 là kinh tế Trung Quốc. IMF dự kiến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ chậm lại còn 6,3% vào năm 2016, trong khi WB cho rằng, tốc độ tăng trưởng này là 6,7%. Tốc độ tăng trưởng chậm lại tại Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến các nước đang phát triển, phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ Trung Quốc, như Brazil, Chilê, Indonesia, Malaysia, Philippine, Nam Phi, Thái Lan và Việt Nam.

Như vậy, nền kinh tế thế giới trải qua năm 2015 với sự tăng trưởng chậm, chưa lấy lại được đà tăng trưởng. Năm 2016, dự báo đưa ra cho thấy các nền kinh tế khu vực và thế giới tiếp tục chứng kiến những biến động khó nắm bắt, sự trỗi sụt tại một số thị trường tài chính và nguyên liệu, sự tăng trưởng là không đồng đều, thiếu bền vững.

Từ năm 2016, việc hội nhập Cộng đồng ASEAN sẽ góp thêm cơ hội cho Việt Nam hội nhập TPP ở đẳng cấp cao hơn. Sẽ có cả cơ hội và thách thức đan xen. Thách thức cũng có thể trở thành cơ hội mới để nâng sức cạnh tranh kinh tế nếu Nhà nước và Doanh nghiệp đều nỗ lực. Các Doanh nghiệp nội địa thuần Việt nếu không cố gắng vươn lên trong bối cảnh đầy mạnh mẽ cải cách kinh tế và chính trị thì các lợi ích của TPP sẽ “rơi” vào khu vực FDI và các đối tác bên ngoài.

TPP với 12 nước thành viên, trong đó có những nước ở trình độ phát triển cao như Mỹ, Nhật, Singapore và một số nước có trình độ phát triển thấp hơn như Chile, Peru, Mexico, Malaysia. Tuy nhiên, Việt Nam là nước có trình độ phát triển thấp hơn cả. Điều đáng nói, các nước thành viên của TPP có những mặt hàng xuất khẩu có tính cạnh tranh cao rất đa dạng từ các mặt

hàng công nghiệp, chế tác, chế tạo cho đến các mặt hàng nông nghiệp, thủy sản. Vì vậy, các sản phẩm của nước ta sẽ phải cạnh tranh gay gắt với hàng hóa các nước thành viên.

Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, Chính phủ đặt mục tiêu năm 2016 là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô phần đầu tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2015, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Các chỉ tiêu chủ yếu đề ra trong năm 2016 như tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31% GDP.

Năm 2016, NHNN điều hành chính sách tỷ giá theo cách thức mới, linh hoạt hơn. Theo đó, NHNN vẫn sẽ công bố tỷ giá nhưng khác ở chỗ tỷ giá có thể được điều chỉnh lên/xuống hàng ngày. Tỷ giá do NHNN công bố sẽ được xác định trên cơ sở một số cơ sở sau: Thứ nhất, tham chiếu diễn biến của một số đồng tiền của các nước có mối quan hệ về thương mại và đầu tư lớn với Việt Nam; Thứ hai, tham chiếu tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng (tỷ giá bình quân gia quyền theo mức tỷ giá và trọng số giao dịch), cách tham chiếu này sẽ khắc phục được một số điểm hạn chế của cách tham chiếu vào tỷ giá cuối ngày trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của một số nước và theo đó hạn chế được yếu tố làm giá vào cuối ngày của các thành viên tham gia thị trường; Thứ ba, ngoài hai yếu tố nêu trên, tỷ giá có được cân nhắc trên cơ sở các cân đối vĩ mô, tiền tệ, mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế vĩ mô. Việc cân nhắc mức độ tham chiếu các yếu tố nêu trên sẽ được NHNN cân nhắc kỹ lưỡng, đảm bảo yếu tố linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo yếu tố quản lý theo chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý đã được xác định tại các văn bản về quản lý ngoại hối hiện hành. Việc điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt hơn phù hợp với bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế sẽ luân chuyển nhanh hơn và mạnh hơn sau hàng loạt các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã và sẽ ký kết.

Về vấn đề lãi suất thì về cơ bản NHNN sẽ điều hành lãi suất ổn định như năm 2015 để hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tuy nhiên với dự báo lạm phát năm 2016 sẽ cao hơn 2015 nên khả năng lãi suất điều hành sẽ điều chỉnh tăng để đảm bảo hài hòa lợi ích cho người gửi tiền, và qua đó sẽ làm tăng chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2016 của NNG

Với việc dự báo tình hình kinh tế năm 2016 như trên thì việc nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NNG cần được nhận diện và phân tích một cách cẩn trọng để có kế hoạch hành động phù hợp, nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cụ thể:

Về cơ hội

- Giá hàng hóa cơ bản tiếp tục ở mức thấp, trong đó đặc biệt là giá dầu được dự báo sẽ khó có thể tăng trong khoảng một thập niên tới khi mà nhu cầu giảm và nguồn cung tăng. Và khi giá nguyên liệu PET duy trì ở mức thấp sẽ kích thích khách hàng sử dụng các loại bao bì khác chuyển sang sử dụng bao bì nhựa.
- Ngành bao bì PET nội địa vẫn đang tăng trưởng tốt (ước tính tăng trưởng 10%-15% hàng năm) nhờ vào lợi thế vốn có của PET so với các loại nhựa khác. Thị trường nội địa bị giới hạn về tăng trưởng đối với sản phẩm truyền thống nhưng thị trường xuất khẩu vẫn còn rất tiềm năng.
- Đến thời điểm hiện tại, ngành bao bì PET của Tập đoàn Ngọc Nghĩa vẫn là đơn vị dẫn đầu thị trường Việt Nam và là nhà cung cấp bao bì lớn nhất Đông Nam Á với những sản phẩm đa dạng, được ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất mang đến cho khách hàng những sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Nhiều ngành hàng khác đang sử dụng bao bì nhựa thông thường có cơ hội chuyển đổi sang bao bì PET. Cho tới nay, tại thị trường Việt Nam, NNG vẫn là đơn vị duy nhất có thể phát kiến và nghiên cứu thành công các sản phẩm môi nhon bằng nhựa PET

chuyển đổi từ bao bì hiện có của khách hàng.

- Ngành nước mắm và gia vị đã khá ổn định hệ thống phân phối miền Bắc, Trung và Đông sâu rộng đến tận nông thôn; đội ngũ bán hàng đã tích lũy được kinh nghiệm và xây dựng mối quan hệ tốt giúp cho HPF có được hệ thống xương sống khách hàng thân thiết ổn định và không ngừng gia tăng. Do tuân thủ và bám trụ triết lý kinh doanh “trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khách hàng, các sản phẩm ngành nước mắm được chăm chút cẩn thận từ chất lượng ngon vượt trội, an toàn vệ sinh từ sản phẩm bên trong đến bao bì bên ngoài.
- Kinh tế trong nước năm 2016 dự kiến sẽ có mức tăng trưởng bằng hoặc cao hơn so với mức tăng trưởng của năm 2015 cùng với việc Chính phủ ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát ở mức thấp sẽ có tác động ít nhiều đến nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế, qua đó có thể giúp tăng cường tiêu thụ các sản phẩm bao bì của NNG.

Rủi ro

- Ngành bao bì PET tiếp tục chịu sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất nước ngoài bắt đầu thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam. Đây là các nhà sản xuất có nguồn tài chính vững mạnh hoặc được hỗ trợ từ chính sách tiền tệ lãi suất thấp của chính quốc, rào cản về thuế quan đã được tháo bỏ, với hình thức chỉ xây dựng nhà máy tại Việt Nam đã giúp cho các doanh nghiệp ngoài có lợi thế cạnh tranh tốt về giá thành sản xuất. Điều này sẽ là áp lực không nhỏ cho DN sản xuất Việt Nam khi mà chính thức tiếp tục gia tăng lương cơ bản, bảo hiểm và điều tiết tăng giá điện, xăng dầu,....
- Các khách hàng chiến lược của ngành bao bì PET đã và tiếp tục có xu hướng thay đổi chiến lược kinh doanh theo chiều hướng tự trang bị hệ thống thổi chai, ép phôi PET sau 1 thời gian cộng tác với DN nội địa hoặc tự mua nhựa để đem gia công, sử dụng các sản phẩm trọng lượng nhẹ.
- Giống như các doanh nghiệp khác trong cuộc cạnh tranh giành thị phần hiện hữu, cho tới nay, nên NNG chịu sức ép lớn về giá và chảy máu lợi nhuận rất lớn để có thể duy trì lượng khách hàng hiện hữu với danh mục sản phẩm hiện hữu và tăng thị phần.
- Lãi suất được dự báo có xu hướng tăng trong điều kiện lạm phát 2016 được dự báo sẽ cao hơn 2015 sẽ làm tăng chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

Với những nhận định về cơ hội, rủi ro thách thức mà NNG có khả năng sẽ gặp phải trong năm 2016, NNG định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2016 như sau:

Định hướng Marketing và bán hàng ngành bao bì PET

Kế hoạch năm 2016 NNG PET đặt kỳ vọng sẽ tăng trưởng doanh thu sản xuất so với năm 2015, tổng doanh thu sẽ đạt mức tăng trưởng từ 10%-15% so với năm 2015 nhờ việc đưa vào khai thác nhà máy NNI. Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh năm 2016, ngành bao bì PET NNG tập trung nhiệm vụ sau đây:

- Giữ vững và khai thác tối đa doanh thu khách hàng hiện hữu của thị trường nội địa, khai thác tối đa nhu cầu mới của các khách hàng lớn bằng các sản phẩm hiện hữu (dựa trên MMTB hiện có); áp dụng triệt để chính sách quản trị giá để khai thác tối đa công suất tương ứng lợi nhuận tối ưu.
- Tiếp tục phát triển các sản phẩm mũi nhọn, hoàn tất thiết kế và tiến hành đầu tư trong 2016 để có thể phát sinh ngay doanh thu trong năm.
- Củng cố và khai thác mở rộng xuất khẩu ở thị trường hiện có. Trong đó, thị trường xuất khẩu chiến lược gồm Thái Lan, Indonesia và Philippin. Phát triển các khách hàng mới ở các thị trường xa như Nhật Bản, Úc, Mông Cổ.

- Phát triển ngành hóa mỹ phẩm và mỹ phẩm cao cấp với mục tiêu đa dạng hóa ngành hàng.
- Phát triển bao bì PET phân khúc ngành sữa và bia.
- Phát triển khách hàng thương mại nguyên vật liệu và khuôn mẫu.

Định hướng Marketing và bán hàng ngành nước chấm và gia vị

Tập trung phát triển ngành hàng nước mắm và nước chấm, cụ thể:

- Tăng độ nhận biết sản phẩm cho người tiêu dùng để đẩy doanh thu.
- Ngày càng cải thiện hệ thống phân phối để phục vụ tốt hơn cho việc bán hàng sâu rộng đến các xóm, ấp, thôn & làng trên toàn quốc bằng cách cơ giới hóa hệ thống bán hàng.
- Xây dựng Thái Long, Kabin trở thành thương hiệu hàng đầu về niềm tin & chất lượng trong ngành gia vị.
- Tăng cường hoạt động Marketing nhằm đưa sản phẩm và thông điệp sản phẩm đến được người tiêu dùng, để người tiêu dùng thấy được giá trị đích thực của sản phẩm.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng nhanh chóng và hiệu quả.
- Thực hiện giải pháp giảm thiểu chi phí mua hàng, vận chuyển.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Xác định rõ nguồn nhân lực chủ chốt gắn với sứ mệnh công ty để có chính sách nhân sự, tuyển dụng và sàng lọc theo sát mục tiêu Công ty trong ngắn, trung và dài hạn.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc rà soát định biên nhân công nhà máy, phòng ban hỗ trợ để hạn chế gia tăng chi phí "thừa" trong điều kiện cần duy trì nguồn tiền cho việc đầu tư thiết lập thị trường mới cho ngành PET cũng như ngành công nghiệp thực phẩm có lãi.
- Tiếp tục triển khai hệ thống văn hóa, tạo môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả để người lao động gắn bó với công ty và phát huy hết mọi khả năng có thể có trong điều kiện cạnh tranh ngày càng khốc liệt

8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Năm 2016, Tập đoàn Ngọc Nghĩa sẽ tiến hành các hoạt động liên quan đầu tư và nguồn như sau:

- Tiếp tục đầu tư cho Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa theo tinh thần của Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua.
- Đầu tư vào ngành thực phẩm để đoán đầu xu hướng mà hiệp định TPP sẽ mang lại cho Việt Nam trong thời gian tới bằng việc thành lập Công ty TNHH MTV trực thuộc Công ty chuyên trách mảng thực phẩm với quy mô đầu tư dự kiến vào khoảng 200 tỷ cho giai đoạn 2016-2017 và sẽ mở rộng trong giai đoạn tiếp theo tùy vào tình hình thực tế thị trường.
- Chuyển nhượng cổ phần đã mua từ quý đầu tư để gia tăng vốn phục vụ đầu tư mới, hạn chế vốn vay.
- Tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú để giảm áp lực chi phí tài chính cho đơn vị này, nhằm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm ngành nước chấm và gia vị của tập đoàn.

Hội đồng Quản trị, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ủy quyền cho Ban Điều hành

toàn quyền trong việc huy động nguồn vốn đầu tư cũng như tìm kiếm đối tác chuyển nhượng cổ phần quỹ, xây dựng phương án cụ thể cũng như thời gian để tiến hành các vấn đề liên quan vốn như trên. Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo lại đại hội trong đại hội thường niên năm 2017.

8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế năm 2016 cùng với nội lực hiện tại của Tập đoàn Ngọc Nghĩa, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất cho năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TOÀN TẬP ĐOÀN
Doanh thu thuần	2.140
Lợi nhuận sau thuế	169

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015

9.1. CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Lợi nhuận năm 2015 của Công ty CP CN-DV-TM Ngọc Nghĩa theo báo cáo được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện là 117.641.151.164 đồng, và lợi nhuận lũy kế của Công ty tính đến hết năm 2015 là 127.380.341.671 đồng. Ngoài ra hiện Công ty đang nắm giữ số lượng cổ phiếu quỹ là 4.004.078 cổ phiếu mà Công ty nhận chuyển nhượng lại từ cổ đông Red River Holding.

Hội đồng Quản trị công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến liên quan đến việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty.

9.2. CÔNG TY CP PET QUỐC TẾ

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 7.840.000 cổ phần của Công ty CP Pet Quốc Tế, tương ứng với tỷ lệ 98% vốn điều lệ. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2015 của Công ty CP PET Quốc tế là 9.291.663.739 đồng, và lũy kế lợi nhuận đến hết năm 2015 là 428.892.915.465 đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Đại hội đồng cổ đông Công ty CP PET Quốc Tế chưa họp thường niên nên Công ty chưa có thông tin về kế hoạch phân phối lợi nhuận của đơn vị này. Vì vậy, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ thông tin đến Đại hội đồng Cổ đông sau khi có thông tin chính thức về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của đơn vị này.

9.3. CÔNG TY CP NẮP TOÀN CẦU

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 9.840.000 cổ phần của Công ty CP Nắp Toàn Cầu, tương ứng với tỷ lệ 99% vốn điều lệ Công ty. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2015 của Công ty CP Nắp Toàn Cầu là 107.208.550.149 đồng, và lũy kế lợi nhuận đến hết năm 2015 là 270.928.646.065 đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nắp Toàn Cầu chưa họp thường niên nên Công ty chưa có thông tin về kế hoạch phân phối lợi nhuận của đơn vị này. Vì vậy, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ thông tin đến Đại hội đồng Cổ đông sau khi có thông tin chính thức về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của đơn vị này.

9.4. CÔNG TY CP NHỰA P.E.T VIỆT NAM

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 2.338.800 cổ phần của Công ty CP Nhựa PET Việt Nam, tương ứng với tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2015 của Công ty CP Nhựa PET Việt Nam là 3.516.691.239 đồng, và lũy kế lợi nhuận đến hết năm 2015 là 22.675.523.157 đồng.

Giống như Công ty CP PET Quốc Tế và Công ty CP Nắp Toàn Cầu, đại hội đồng Cổ đông của Công ty CP Nhựa P.E.T Việt Nam vẫn chưa họp thường niên nên chưa có thông tin về kế

hoạch phân phối lợi nhuận của đơn vị này.

9.5. CÔNG TY CP THỰC PHẨM HỒNG PHÚ

Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú (HPF) trong năm 2015 có kết quả hoạt động kinh doanh lỗ nên không có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2015.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Chủ tịch



Lu Văn Hoàng

ĐỀ XUẤT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS NHIỆM KỲ 2016-2021**10.1. ĐỀ XUẤT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2016-2021**

Do Hội đồng Quản trị hiện tại sẽ hết nhiệm kỳ vào ngày 29/03/2016, và theo đề nghị của Hội đồng Quản trị tại biên bản họp số 008/BBH/HĐQT/NNG/16 ngày 02/03/2016, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2016-2021 (tính từ ngày được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh liên quan mà Hội đồng Quản trị đề cử để Đại hội đồng cổ đông xem xét gồm có:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	La Văn Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3	La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
4	Bùi Bích Hồng	Thành viên

10.2. ĐỀ XUẤT BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016-2021

Do Ban Kiểm soát hiện tại sẽ hết nhiệm kỳ vào ngày 30/04/2016, và theo đề nghị của Hội đồng Quản trị tại biên bản họp số 008/BBH/HĐQT/NNG/16 ngày 02/03/2016, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2016-2021 (tính từ ngày được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh liên quan mà Hội đồng Quản trị đề cử để Đại hội đồng cổ đông xem xét gồm có:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trương Quốc Thắng	Trưởng ban
2	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
3	Nguyễn Văn Thành	Thành viên

10.3. ĐỀ XUẤT BAN THƯ KÝ NHIỆM KỲ 2016-2021

Do Ban Thư ký hiện tại sẽ hết nhiệm kỳ vào ngày 30/04/2016, và theo đề nghị của Hội đồng Quản trị tại biên bản họp số 008/BBH/HĐQT/NNG/16 ngày 02/03/2016, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét đề cử ông Nguyễn Hoàng Oanh làm trưởng ban thư ký cho nhiệm kỳ 2016-2021 (tính từ ngày được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ**11.1. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2015**

Năm 2015 do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn rất nhiều khó khăn, vì vậy Hội đồng Quản trị đã đệ trình Đại hội đồng cổ đông về việc không nhận thù lao và đã được chấp thuận. Riêng ngân sách của Ban kiểm soát và Ban thư ký năm 2015 được thực hiện trong phạm vi ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông năm 2015 ngày 24/04/2015. Cụ thể ngân sách đã thực hiện như sau:

STT	THÙ LAO	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2015	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015
1	Ban kiểm soát	143.000.000	143.000.000
2	Ban thư ký	65.000.000	65.000.000

11.2. LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2015

Mức lương của Tổng giám đốc năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 250 triệu/tháng (lương gộp) và được hưởng 13 tháng lương. Kết quả thực hiện như sau:

STT	LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2015	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015
1	Lương Tổng giám đốc	3.250.000.000	3.250.000.000

Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong năm 2015, kế hoạch kinh doanh 2016, và biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 02/03/2016, Hội đồng Quản trị đề xuất trước ĐHĐCĐ về mức lương gộp của Tổng Giám đốc năm 2016 là 250 triệu đồng/tháng và Tổng Giám đốc sẽ được hưởng lương tháng 13 và các phúc lợi khác theo chính sách nhân sự chung của Công ty. Riêng mức thưởng cho Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty.

11.3. ĐỀ XUẤT THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2016

Năm 2016 nhằm khuyến khích Hội đồng Quản trị nỗ lực hơn nữa nhằm mang lại lợi ích cho Công ty nói chung và cổ đông nói riêng, Hội đồng Quản trị đệ trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét cấp ngân sách thù lao cho Hội đồng quản trị. Cụ thể, đề nghị thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị cho năm 2016 như sau

STT	KHOẢN MỤC	Thù lao/tháng	Số tháng	Số người	Tổng ngân sách
1	Hội đồng Quản trị	Chủ tịch: 280 triệu	13	1	4.186.000.000
		Phó chủ tịch: 18 triệu		2	
		Thành viên: 6 triệu		1	
1	Ban Kiểm soát	TB: 8 triệu đồng TV: 3 triệu đồng	13	3	182.000.000
2	Ban Thư ký	8 triệu	13	1	104.000.000

Về mức thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hiệu quả công việc của từng thành viên, nhưng số tháng lương thưởng sẽ không thấp hơn số tháng lương mà Công ty dùng để thưởng đánh giá thành tích cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2016.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tính đến 31/12/2015. Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa đã đầu tư vào các Công ty như Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam, Công ty Cổ phần PET Quốc tế, Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú và Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa. Trong đó tổng số cổ phần sở hữu tính đến cuối năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2015	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2015
CTCP Nhựa PET Việt Nam (*)	23.624.000.000	99,00%	116.005.724.000	116.005.724.000
Công ty CP PET Quốc tế	80.000.000.000	98,00%	78.400.000.000	78.400.000.000
Công ty CP Nắp Toàn Cầu	99.000.000.000	99,39%	98.400.000.000	98.400.000.000
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	40,50%	81.000.000.000	81.000.000.000
Cty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa	40.000.000.000	100,00%	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng cộng			413.085.724.000	413.085.724.000

(*): Đối với trường hợp Công ty CP Nhựa PET Việt Nam do Công ty không thực hiện góp vốn ngay từ ban đầu mà mua lại từ các cổ đông cá nhân nên giá mua không tính theo vốn điều lệ mà là giá trị thực mua, điều này giải thích lý do vì sao có sự khác biệt giữa tổng giá trị góp vốn và tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam cũng đã thực hiện đầu tư vào các công ty thuộc tập đoàn Ngọc Nghĩa như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2015	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2015
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	32,33%	64.650.000.000	64.650.000.000
Tổng cộng			64.650.000.000	64.650.000.000

Và, Công ty Cổ phần PET Quốc Tế cũng đã thực hiện đầu tư vào các công ty thuộc tập đoàn Ngọc Nghĩa như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2015	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2015
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	25,00%	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng			50.000.000.000	50.000.000.000

Ngoài ra, trong năm 2015 Công ty cũng đã thực hiện thanh lý mảng sản xuất bán kẹo là Công ty CP Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

13.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Văn Hoàng
 Chủ tịch

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

13.2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wan Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9266
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 14-01-418 (2015)



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

13.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT

13.3.1. Bảng cân đối kế toán

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		723.369.225.228	602.147.302.960
Tiền	110	7	89.554.343.631	49.279.280.881
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	110.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		264.758.028.348	170.984.157.499
Phải thu của khách hàng	131	9	166.392.223.395	150.689.094.405
Trả trước cho người bán	132		46.555.992.801	9.438.826.565
Phải thu về cho vay	135	10	19.700.000.000	-
Phải thu khác	136	11	32.479.287.104	12.070.083.520
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(369.474.952)	(1.213.846.991)
Hàng tồn kho	140	13	189.457.537.525	256.630.078.008
Tài sản ngắn hạn khác	150		69.599.315.724	75.253.786.572
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	15.163.620.582	12.993.021.952
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.258.146.656	42.009.178.835
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	22(b)	24.177.548.486	20.203.148.191
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	48.437.594

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

5

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.160.821.401.085	1.272.000.325.302
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.527.926.800	10.314.205.364
Tài sản cố định	220		1.060.982.781.943	1.207.164.774.083
Tài sản cố định hữu hình	221	14	602.116.736.663	719.221.946.335
Nguyên giá	222		1.173.478.752.635	1.238.993.181.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(571.362.015.972)	(519.771.235.001)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	183.388.169.164	204.769.918.076
Nguyên giá	225		251.005.866.748	261.662.643.040
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.617.697.584)	(56.892.724.964)
Tài sản cố định vô hình	227	16	275.477.876.116	283.172.909.672
Nguyên giá	228		293.022.726.538	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.544.850.422)	(16.189.996.455)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.682.444.920	8.459.453.546
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	10.682.444.920	8.459.453.546
Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8	30.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		43.628.247.422	46.061.892.309
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	13.623.519.003	9.509.569.738
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	19	432.363.900	386.907.061
Lợi thế thương mại	269	20	29.572.364.519	36.165.415.510
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.884.190.626.313	1.874.147.628.262

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.213.272.770.405	1.265.431.160.315
Nợ ngắn hạn	310		1.078.958.885.987	1.091.117.692.306
Phải trả người bán	311	21	146.987.010.320	133.954.479.832
Người mua trả tiền trước	312		21.614.323.601	18.939.458.086
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	22(a)	5.993.182.680	2.791.929.708
Phải trả người lao động	314		3.503.022.999	2.431.281.033
Chi phí phải trả	315	23	18.484.741.653	22.983.163.926
Phải trả khác	319	24	4.362.125.436	11.359.171.777
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	25(a)	875.042.724.862	895.663.106.851
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.971.754.436	2.995.101.093
Nợ dài hạn	330		134.313.884.418	174.313.468.009
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	25(b)	96.683.884.418	140.525.803.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	37.630.000.000	33.787.664.209
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		670.917.855.908	608.716.467.947
Vốn chủ sở hữu	410	26	670.917.855.908	608.716.467.947
Vốn cổ phần	411	27	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	28	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.663.978.335	97.820.924.123
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		97.820.924.123	76.398.665.430
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		72.843.054.212	21.422.258.693
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.742.933.319	12.384.599.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.884.190.626.313	1.874.147.628.262

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

(Chữ ký)
 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

(Chữ ký)
 Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

13.3.2. Báo cáo Kết quả kinh doanh

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	1.871.163.250.743	1.918.651.349.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	13.901.360.033	6.654.884.393
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	31	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934
Giá vốn hàng bán	11	32	1.322.356.725.285	1.424.711.471.034
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		534.905.165.425	487.284.993.900
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	6.997.128.809	9.041.382.014
Chi phí tài chính	22	34	109.856.849.101	84.907.052.258
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.016.850.064</i>	<i>80.095.083.919</i>
Chi phí bán hàng	25	35	278.513.178.428	263.398.410.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	78.389.228.171	93.239.969.291
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		75.143.038.534	54.780.933.382
Thu nhập khác	31	37	1.809.060.604	1.220.900.145
Chi phí khác	32	38	3.643.684.181	3.416.226.818
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.834.623.577)	(2.195.326.673)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.308.414.957	52.585.606.709
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	15.856.059.686	14.414.945.575
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	3.796.878.952	14.197.057.621
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.655.476.319	23.973.603.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.655.476.319	23.973.603.513
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	26	55.753.003.817	21.422.258.693
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26	(2.097.527.498)	2.551.344.820
Lãi trên cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	1.156	411

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:


 Đổng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Trần Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

13.3.3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		73.308.414.957	52.585.606.709
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		134.889.143.095	131.716.978.751
Các khoản dự phòng	03		25.872.000	751.265.282
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(45.748.555)	1.061.410.099
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		2.014.848.463	411.720.431
Xóa sổ tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		-	144.096.679
Lỗ từ thanh lý một công ty con	05		39.661.341.705	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.634.608.875)	(7.309.047.585)
Chi phí lãi vay	06		60.016.850.064	80.095.083.919
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		304.236.112.854	259.457.114.285
Biến động các khoản phải thu	09		(64.446.042.848)	1.545.425.688
Biến động hàng tồn kho	10		58.202.522.619	(12.676.820.666)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.177.260.192	25.324.612.088
Biến động chi phí trả trước	12		(6.748.262.282)	401.147.265
			311.421.590.535	274.051.478.660
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.446.570.050)	(80.476.525.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.028.227.716)	(15.169.375.617)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.346.657)	(1.906.028.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		232.923.446.112	176.499.548.978
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(18.402.649.990)	(37.363.104.735)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		882.545.454	17.616.974.540
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(140.000.000.000)	(170.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		50.000.000.000	170.000.000.000
Tiền chi cho người lao động vay	23		(19.700.000.000)	-
Tiền thu từ bán các công cụ vốn cho các đơn vị khác	24		-	30.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Tiền thu thuần từ thanh lý một công ty con	26	6	49.341.346.332	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.181.029.707	7.309.047.585
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(75.697.728.497)	(12.407.082.610)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi để mua lại cổ phiếu	32		-	(88.088.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		2.194.589.715.747	2.365.177.980.310
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.249.924.414.603)	(2.405.208.060.522)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(61.665.378.374)	(58.253.136.565)
Tiền trả cổ tức	36		-	(27.676.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(117.000.077.230)	(186.398.893.277)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		40.225.640.385	(22.306.426.909)
Tiền đầu năm	60		49.279.280.881	71.595.361.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		49.422.365	(9.653.688)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	89.554.343.631	49.279.280.881

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

Đông Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng



Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

13.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con (1/1/2015: 5 công ty con) như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con	Hoạt động chính	% số hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (**)	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.	-	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa (*)	Sản xuất bao bì bằng nhựa	100%	-

(*) Ngày 12 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 012/QĐ/HĐQT-NNG/15, Hội đồng Quản trị đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa với vốn pháp định được duyệt là 40 tỷ VND. Vốn pháp định được góp đầy đủ bởi Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(**) Ngày 1 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 010/NĐ/HĐQT/NNG/15, Công ty đã quyết định thanh lý toàn bộ 32.228.000 cổ phiếu tương đương 99,16% cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với số tiền là 49.347.569.743 VND. Việc thanh lý đã được hoàn tất trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 1.255 nhân viên (1/1/2015: 1.282 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 356 tỷ VND (1/1/2015: 489 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 25). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (thuyết minh 4(a))
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(l))

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, khoản lỗ vượt trội cũng như các khoản lỗ bổ sung được tính giảm vào phần lợi ích của cổ đông đa số trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của cổ đông đa số cho tới khi phần lỗ trước đây do các cổ đông đa số gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của công đồng không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/THN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/BN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân bổ theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Như나		Thực phẩm		Loại trừ		Tập nhất	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.457.200.301.719	1.600.382.522.225	400.061.588.991	311.613.942.708	-	-	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934
Doanh thu trong bộ phận	1.169.780.357.965	1.267.784.644.283	200.641.096	431.143.029	(1.169.980.399.061)	(1.268.215.787.317)	-	-
Doanh thu ở/ra các bộ phận	33.455.564.696	20.061.129.520	204.452.185	231.267.784	(33.660.016.881)	(20.295.397.304)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	68.238.572.244	66.316.597.022	224.399.123	107.739.602	(61.465.812.538)	(57.382.954.610)	6.997.128.809	9.041.382.014
Tổng doanh thu bộ phận	2.728.674.766.624	2.954.547.893.056	400.690.481.395	312.384.093.123	(1.265.106.228.500)	(1.345.894.139.231)	1.864.259.019.519	1.921.037.846.948
Chi phí bộ phận	(2.509.214.933.693)	(2.742.287.812.888)	(522.985.010.014)	(484.481.059.375)	1.243.087.962.722	1.360.511.958.697	(1.789.113.980.985)	(1.866.256.913.566)
Kết quả kinh doanh bộ phận	219.459.832.931	212.260.080.168	(122.298.528.619)	(172.096.966.252)	(22.018.265.778)	14.617.819.466	75.143.038.534	54.780.933.382
Tax nhập khác							1.809.060.604	1.220.900.145
Chi phí khác							(3.643.684.181)	(3.416.226.818)
Thuế thu nhập							(19.652.938.638)	(28.612.003.196)
Lợi nhuận sau thuế							53.655.476.519	23.973.603.513

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	471.945.091.872	446.065.725.735	121.724.133.356	106.081.577.225	593.669.225.228	552.147.302.960
Tài sản dài hạn	993.061.178.314	1.003.026.829.608	167.327.858.871	268.586.588.633	1.160.389.037.185	1.271.613.418.241
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	130.132.363.900	50.386.907.061
	1.465.006.270.186	1.449.092.555.343	289.051.992.227	374.668.165.858	1.884.190.626.313	1.874.147.628.262
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	928.278.133.258	996.198.249.979	150.680.752.729	94.919.442.327	1.078.938.885.987	1.091.117.692.306
Nợ dài hạn	96.683.884.418	129.277.828.695	-	11.247.975.105	96.683.884.418	140.525.803.800
Nợ không phân bổ	-	-	-	-	37.630.000.000	33.787.664.209
	1.024.962.017.676	1.125.476.078.674	150.680.752.729	106.167.417.432	1.213.272.770.405	1.265.431.160.315
Nhựa						
2015 VND	110.896.826.477	103.989.137.497	23.992.316.618	27.727.841.254	134.889.143.095	131.716.978.751
2014 VND	15.244.027.493	34.572.745.094	3.158.622.497	2.790.359.641	18.402.649.990	37.365.104.735
Thực phẩm						
2015 VND						
2014 VND						
Tổng						
2015 VND						
2014 VND						

Khấu hao và phân bổ
 Chi tiêu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2015 VND	2014 VND
Trong nước	1.758.415.204.665	1.554.515.163.916
Xuất khẩu	98.846.686.045	357.481.301.018
	<u>1.857.261.890.710</u>	<u>1.911.996.464.934</u>

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong nước	<u>1.884.190.626.313</u>	<u>1.874.147.628.262</u>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Thanh lý một công ty con

Thanh lý Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế

Ngày 1 tháng 8 năm 2015, theo Biên bản số 010/NĐ/HĐQT/NNQ/15, Công ty đã quyết định thanh lý toàn bộ 32.228.000 cổ phiếu tương đương 99,16% cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với số tiền là 49.347.569.743 VND. Do kết quả của giao dịch này, Công ty đã không còn nắm giữ bất kỳ cổ phần nào của Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế.

Việc thanh lý đã ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn vào ngày thanh lý như sau:

	VND
Tiền	6.223.411
Các khoản phải thu	2.123.892.404
Hàng tồn kho	8.970.017.864
Tài sản ngắn hạn khác	3.504.020.171
Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá	99.674.115.089
Tài sản cố định hữu hình - giá trị hao mòn lũy kế	(45.519.867.784)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính - nguyên giá	27.299.771.630
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính - giá trị hao mòn lũy kế	(8.189.931.493)
Tài sản cố định vô hình - nguyên giá	6.501.752.089
Tài sản cố định vô hình - giá trị hao mòn lũy kế	(1.194.645.085)
Chi phí trả trước dài hạn	463.714.387
Tài sản dài hạn khác	56.005.687
Phải trả nhà cung cấp	(1.871.409.260)
Người mua trả tiền trước	(739.210.227)
Chi phí phải trả	(345.770.078)
Phải trả khác ngắn hạn	(10.275.678.999)
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	80.462.999.806
Tương ứng giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã thanh lý	89.008.911.448
Lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (thuyết minh 34)	(39.661.341.705)
Thu nhập thanh lý	49.347.569.743
Tiền thanh lý	(6.223.411)
Tiền thuần thu được	49.341.346.332

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	4.616.413.144	5.985.754.336
Tiền gửi ngân hàng	84.937.930.487	43.293.526.545
	<hr/> 89.554.343.631	<hr/> 49.279.280.881

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	110.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi ngắn hạn với thời gian đáo hạn một năm được hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 7,1%/năm (2014: 6,5%/năm).

Tiền gửi dài hạn với thời gian đáo hạn trên một năm được hưởng lãi suất năm 6,3%/năm (2014: không).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/THN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam	28.018.285.731	15.094.733.077
Công ty TNHH nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	23.612.987.955	27.980.908.605
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	26.592.163.857	24.216.654.523
Khách hàng khác	88.168.785.852	83.396.798.200
	166.392.223.395	150.689.094.405

10. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản vay cho người lao động của Tập đoàn để hỗ trợ tài chính trong vòng một năm và không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm 6,5%/năm.

11. Phải thu khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	3.453.579.168	-
Tạm ứng cho người lao động (*)	19.785.854.818	2.502.192.499
Khác	9.239.853.118	9.567.891.021
	32.479.287.104	12.070.083.520

(*) Khoản này phản ánh tiền tạm ứng cho người lao động để mua nguyên liệu cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.213.846.991	462.581.709
Tăng dự phòng trong năm	25.872.000	751.265.282
Sử dụng dự phòng trong năm	(870.244.039)	-
Số dư cuối năm	369.474.952	1.213.846.991

13. Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Hàng mua đang đi đường	40.644.392	9.489.232.538
Nguyên vật liệu	69.301.043.593	125.111.576.480
Công cụ và dụng cụ	5.885.878.714	4.222.987.903
Sản phẩm dở dang	32.722.023.991	45.493.675.396
Thành phẩm	62.959.125.659	65.202.764.751
Hàng hóa	15.634.872.790	2.498.465.520
Hàng gửi đi bán	2.913.948.386	4.611.375.420
	189.457.537.525	256.630.078.008

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.777.017.805.077	9.856.157.086	1.008.981.976.539	43.137.242.634	1.238.993.181.336
Tăng trong năm	8.050.343.765	256.055.490	8.209.882.315	307.804.546	16.824.086.116
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	29.954.034.373	-	29.954.034.373
Thanh lý	(58.484.400)	-	(10.479.270.655)	(2.080.679.046)	(12.618.434.101)
Thanh lý một công ty con	(28.196.110.970)	(1.731.680.681)	(68.255.381.438)	(1.450.942.000)	(99.674.115.089)
Số dư cuối năm	156.813.553.472	8.380.531.895	968.411.241.134	39.873.426.134	1.173.478.752.635
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	42.473.413.647	5.562.389.185	452.160.651.137	19.574.781.032	519.771.235.001
Khấu hao trong năm	8.744.415.309	1.196.368.741	79.883.827.589	4.461.057.481	94.285.669.320
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	12.546.019.619	-	12.546.019.619
Thanh lý	(33.350.769)	-	(8.760.459.369)	(907.230.046)	(9.721.040.184)
Thanh lý một công ty con	(9.300.466.734)	(608.080.861)	(34.345.149.174)	(1.266.171.015)	(45.519.867.784)
Số dư cuối năm	41.864.011.653	6.150.677.065	501.484.889.802	21.862.437.452	571.362.015.972
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	134.544.391.430	4.293.767.901	556.821.325.402	23.562.461.602	719.221.946.335
Số dư cuối năm	114.949.541.819	2.229.851.830	456.926.351.332	18.010.988.682	602.116.736.663

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/BN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 175.097 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 172.489 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 371.582 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 412.644 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 25(a) và thuyết minh 25(b)(i)).

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Tăng trong năm	20.181.819	46.576.847.892	46.597.029.711
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.954.034.373)	-	(29.954.034.373)
Thanh lý một công ty con	(27.299.771.630)	-	(27.299.771.630)
Số dư cuối năm	152.780.346.608	98.225.520.140	251.005.866.748
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Khấu hao trong năm	25.798.917.948	5.662.005.784	31.460.923.732
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.546.019.619)	-	(12.546.019.619)
Thanh lý một công ty con	(8.189.931.493)	-	(8.189.931.493)
Số dư cuối năm	58.954.958.414	8.662.739.170	67.617.697.584
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076
Số dư cuối năm	93.825.388.194	89.562.780.970	183.388.169.164

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 25(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Tăng trong năm		161.572.500	161.572.500
Thanh lý một công ty con	(6.501.752.089)	-	(6.501.752.089)
Số dư cuối năm	290.897.222.864	2.125.503.674	293.022.726.538
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Khấu hao trong năm	2.396.599.932	152.899.120	2.549.499.052
Thanh lý một công ty con	(1.194.645.085)	-	(1.194.645.085)
Số dư cuối năm	15.575.979.063	1.968.871.359	17.544.850.422
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672
Số dư cuối năm	275.321.243.801	156.632.315	275.477.876.116

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.457 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 46.074 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 47.285 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 25(a) và thuyết minh 25(b)(i)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	8.459.453.546	63.407.746.632
Tăng trong năm	2.222.991.374	20.811.591.341
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(72.955.852.415)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(2.707.500.252)
Xóa sổ	-	(96.531.760)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.682.444.920	8.459.453.546
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:		
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.356.980.546
Máy móc	1.998.760.374	570.000.000
Phương tiện vận chuyển	806.000.000	-
Khác	520.704.000	532.473.000
	<hr/>	<hr/>
	10.682.444.920	8.459.453.546
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/IN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	15.163.620.582	12.993.021.952

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	684.712.190	8.824.857.548	9.509.569.738
Tăng trong năm	-	11.982.483.621	11.982.483.621
Phân bổ trong năm	(684.712.190)	(6.720.107.779)	(7.404.819.969)
Thanh lý một công ty con	-	(463.714.387)	(463.714.387)
Số dư cuối năm	-	13.623.519.003	13.623.519.003

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Lợi nhuận chưa thực hiện	10% - 20%	432.363.900	386.907.061
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	17% - 20%	(37.630.000.000)	(33.787.664.209)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	29.765.094.400
Khấu hao trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	36.358.145.391
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	36.165.415.510
Số dư cuối năm	29.572.364.519

21. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Unilever Asia Private Limited	14.861.272.063	12.630.720.593
Indorama Polymers Public Company Limited	18.024.956.204	-
ACI Chemicals Asia Inc	-	20.466.784.800
Khác	114.100.782.053	100.856.974.439
	146.987.010.320	133.954.479.832

Số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	938.610.651	66.650.323.214	(64.943.172.262)	2.645.761.603
Thuế nhập khẩu	-	817.893.958	(817.893.958)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.225.279	15.856.059.685	(14.053.827.421)	2.701.457.544
Thuế thu nhập cá nhân	954.093.778	8.617.919.558	(8.926.049.803)	645.963.533
	2.791.929.708	91.942.196.416	(88.740.943.444)	5.993.182.680

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.203.148.191	3.974.400.295	-	24.177.548.486

23. Phải trả

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay phải trả	652.505.478	1.082.225.464
Lương và thưởng	8.001.839.425	11.099.157.295
Chi phí quảng cáo	5.318.315.987	5.600.691.896
Chi phí khác	4.512.080.763	5.201.089.271
	18.484.741.653	22.983.163.926

24. Phải trả khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ký quỹ của khách hàng	2.734.322.213	9.108.810.282
Các khoản phải trả khác	1.627.803.223	2.250.361.495
	4.362.125.436	11.359.171.777

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính
(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	2.194.589.715.747	(2.188.683.139.420)	805.954.832.135
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	50.380.776.000	20.000.000.000	(50.380.776.000)	20.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	45.234.075.043	54.849.719.486	(50.995.901.802)	49.087.892.727
	895.663.106.851	2.269.439.435.233	(2.290.059.817.222)	875.042.724.862

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	6,0%	295.200.081.137	199.240.811.234
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3,0%	52.794.670.119	199.256.237.315
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	6,0% - 6,8%	18.002.827.106	32.895.204.268
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	6,0%	164.426.984.924	198.332.495.619
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	6,5%	136.330.835.833	147.064.810.342
Ngân hàng Bảo Việt	6,5%	75.764.117.200	23.258.697.000
Ngân hàng Bảo Việt	6,7%	63.435.315.816	-
		805.954.832.135	800.048.255.808

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 229.363 triệu VND và 39.956 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 115.449 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 14.032 triệu VND) (thuyết minh 14 và thuyết minh 16).

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam theo mệnh giá 23.388 triệu VND.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (i)	60.000.000.000	121.241.275.183
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	105.771.777.145	114.899.379.660
	<u>165.771.777.145</u>	<u>236.140.654.843</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(69.087.892.727)	(95.614.851.043)
	<u>96.683.884.418</u>	<u>140.525.803.800</u>

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	-	41.241.275.183
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,6%	2018	60.000.000.000	80.000.000.000
				<u>60.000.000.000</u>	<u>121.241.275.183</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(20.000.000.000)	(50.380.776.000)
				<u>40.000.000.000</u>	<u>70.860.499.183</u>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 142.219 triệu VND và 6.118 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 297.195 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 33.253 triệu VND) (thuyết minh 14 và thuyết minh 16).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải trả trong 4 năm bằng nhau, mỗi năm trả 20 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào năm 2018.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

	31/12/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	56.523.259.308	7.435.366.581	49.087.892.727
Từ hai đến năm năm	60.877.966.443	4.194.082.025	56.683.884.418
	117.401.225.751	11.629.448.606	105.771.777.145
	1/1/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến năm năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	132.673.943.914	17.774.564.254	114.899.379.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.539 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.461 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/BN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi tích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	2.409.778.278	646.355.772.984	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	(88.088.000.000)	-	-	-	21.422.238.693	2.351.344.820	23.973.603.313	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(88.088.000.000)		
Phân loại lại từ quỹ	-	-	-	-	-	320.052.450	-	-	320.052.450	
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000	30.000.000	
Anh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	(7.293.476.472)	7.393.476.472	-	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Cả thực hoàn nhập (thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	26.125.039.000	-	26.125.039.000	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	12.384.599.570	608.716.467.947	
Lợi nhuận(ổ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	35.753.003.817	(2.097.527.498)	53.655.476.319	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.090.050.395	(17.090.050.395)	-	
Thanh lý một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	8.545.911.642	8.545.911.642	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	170.663.978.335	1.742.933.319	670.917.855.908	

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(4.004.078)	(88.088.780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	48.245.922	434.411.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32.80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20.20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.538.463	19.77%
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	6.233.932	12.92%
Cổ đông khác	6.904.208	14.31%
	48.245.922	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

29. Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn không công bố cổ tức (2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	353.734	7.941.326.959	363.547	7.769.362.937
EUR	6.937	169.635.866	1.003	26.002.942

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.871.163.250.743	1.918.651.349.327
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(34.365.600)	(126.280.425)
▪ Giảm giá hàng bán	(9.170.567.407)	(175.925.820)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.696.427.026)	(6.352.678.148)
	(13.901.360.033)	(6.654.884.393)
Doanh thu thuần	1.857.261.890.710	1.911.996.464.934

32. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Hàng hóa đã bán	1.322.356.725.285	1.424.711.471.034

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.634.608.875	7.309.047.585
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.348.036.509	1.730.056.719
Khác	14.483.425	2.277.710
	6.997.128.809	9.041.382.014

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	60.016.850.064	80.095.083.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.168.418.947	4.766.978.339
Lỗ từ thanh lý một công ty con (thuyết minh 6)	39.661.341.705	-
Khác	10.238.385	45.000.000
	109.856.849.101	84.907.062.258

35. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	78.034.993.107	62.983.942.285
Chi phí nguyên vật liệu	683.066.516	279.102.355
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.997.440.708	8.113.136.496
Chi phí khấu hao	517.844.186	579.069.432
Chi phí vận chuyển	73.669.798.928	51.164.498.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.090.165.919	26.570.065.394
Chi phí quảng cáo	28.037.732.036	20.234.541.760
Chi phí khuyến mãi	4.486.369.897	24.995.978.019
Chi phí trưng bày sản phẩm	14.355.695.087	38.841.254.804
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	30.147.006.631	18.232.724.628
Khác	9.493.065.413	11.404.097.359
	278.513.178.428	263.398.410.983

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	39.862.940.376	46.916.694.921
Chi phí tài liệu văn phòng	947.576.238	909.494.725
Chi phí khấu hao	10.111.290.649	11.046.560.604
Phí và lệ phí	160.552.294	130.652.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.320.521.811	9.125.640.543
Khác	15.986.346.803	25.110.926.014
	<u>78.389.228.171</u>	<u>93.239.969.291</u>

37. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập khác	1.809.060.604	1.220.900.145
	<u>1.809.060.604</u>	<u>1.220.900.145</u>

38. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	2.014.848.463	459.285.350
Chi phí khác	1.628.835.718	2.956.941.468
	<u>3.643.684.181</u>	<u>3.416.226.818</u>

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.098.907.934.560	1.393.645.175.311
Chi phí nhân công và nhân viên	198.490.753.932	296.878.107.531
Chi phí khấu hao và phân bổ	134.889.143.095	131.716.978.751
Chi phí khác	371.516.558.429	379.914.596.427
	<u>1.793.794.330.916</u>	<u>2.192.154.858.019</u>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.001.383.214	14.156.211.204
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.854.676.472	258.734.371
	<hr/> 15.856.059.686	<hr/> 14.414.945.575
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.796.878.952	14.197.057.621
	<hr/> 19.652.938.638	<hr/> 28.612.003.196

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.308.414.957	52.585.606.709
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất Công ty	16.127.851.291	11.568.833.476
Ưu đãi thuế	(24.569.144.425)	(23.512.441.658)
Ảnh hưởng của các lãi suất khác nhau	1.456.041.342	10.938.246.069
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.989.142.389	7.375.305.483
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(1.651.451.435)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.854.676.472	258.734.371
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	20.794.371.569	23.634.776.890
	<hr/> 19.652.938.638	<hr/> 28.612.003.196

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 22% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	55.753.003.817	21.422.258.693

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	48.245.922	52.249.922
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(153.578)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	48.245.922	52.096.344

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	46.597.029.711	37.686.105.982
Xây dựng cơ bản dở dang được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	806.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	5.134.746.148	3.610.182.874
Hoàn nhập cổ tức	-	26.125.039.000

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	17.466.294.126	23.277.077.461
Hỗ trợ chi phí kinh doanh	-	12.710.000.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

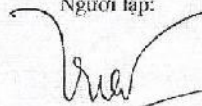
Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Dầu tư ngắn hạn	-	50.000.000.000
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	-
Phải thu khác	12.070.083.520	9.516.741.021
Tài sản ngắn hạn khác	48.437.594	2.601.780.093
Phải thu dài hạn	10.314.205.364	2.341.143.141
Tài sản dài hạn khác	-	7.973.062.223
Quỹ đầu tư phát triển	10.973.114.162	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.973.114.162

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	1.220.900.145	18.837.874.685
Chi phí khác	3.416.226.818	21.033.201.358

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

 Đổng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Trần Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc